

Số: 133 /CV-VASEP
V/v góp ý Dự thảo 1 Luật ATTP sửa đổi

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: Bộ Y tế

Văn phòng Chính phủ

Ủy ban Khoa học, Công nghệ & MT của Quốc hội

Đồng kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Bộ Công Thương

Bộ Tư pháp

Phúc đáp công văn số 5587/BYT-ATTP ngày 28/7/2026 của Bộ Y tế về việc xin ý kiến cho Dự thảo 1 Luật An toàn Thực phẩm (ATTP) sửa đổi (sau đây gọi tắt là Dự thảo), sau khi nghiên cứu văn bản, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) xin có một số góp ý, cụ thể như sau:

I. CHƯA CÓ KHUNG PHÁP LÝ CHO CÁC KHOẢNG TRỐNG PHÁP LÝ CÒN TỒN TẠI

1. Chưa có quy định về chuyển mục đích sử dụng đối với sản phẩm nhập khẩu để chế biến xuất khẩu, gia công xuất khẩu sang tiêu dùng nội địa hoặc ngược lại

a. Đề xuất:

Bổ sung vào Dự thảo quy định cho phép chuyển mục đích sử dụng đối với sản phẩm nhập khẩu để chế biến xuất khẩu, gia công xuất khẩu hoặc sản xuất/sử dụng cho nội bộ sang sản xuất tiêu dùng nội địa hoặc ngược lại, giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục kiểm tra và cấp phép chuyển đổi mục đích sử dụng.

b. Lý do:

Pháp luật Hải quan (Nghị định 59/2018/NĐ-CP, Thông tư 39/2018/TT-BTC) đã cho phép doanh nghiệp chuyển loại hình đối với hàng nhập khẩu, với điều kiện khai báo lại và tuân thủ chính sách quản lý, thuế theo loại hình mới. Quy định về chuyển mục đích sử dụng là một hành lang pháp lý cần thiết phục vụ cho QLNN cũng như thực tiễn của cuộc sống, doanh nghiệp. Việc chuyển sang loại hình nào, thì DN cần phải thực hiện đầy đủ quy trình khai báo, chịu kiểm tra theo quy định hiện hành của loại hình đó. Khi đó, CQTQ có đủ công cụ kiểm soát để đảm bảo các lô hàng thực phẩm được chuyển loại hình nhập khẩu không gây mất ATTP.

Tuy nhiên, Luật ATTP 2010 và Dự thảo đều chưa có quy định tương ứng, tạo ra khoảng trống pháp lý không tương thích với pháp luật Hải quan và dẫn đến lãng phí nguồn lực khi doanh nghiệp không thể linh hoạt trong sản xuất kinh doanh, sản phẩm không XK được nhưng không thể tiêu thụ nội địa mà phải tiêu hủy hoặc tái xuất, phát sinh chi phí cho doanh nghiệp và xã hội.

2. Chưa có quy định về ngưỡng chấp nhận trong thực phẩm đối với dư lượng hóa chất, kháng sinh được phép sử dụng nhưng chưa có MRL và hóa chất, kháng sinh bị cấm sử dụng

a. Đề xuất:

Giao Chính phủ quy định chi tiết Giới hạn dư lượng tối đa mặc định (default MRL) đối với thuốc bảo vệ thực vật chưa có MRL, và Ngưỡng Tham chiếu để Thực hiện Hành động Quản lý (Reference Point for Action - RPA) hoặc Ngưỡng Không phát hiện được (Not Detective - ND) đối với thuốc thú y, hóa chất, kháng sinh bị cấm sử dụng và các chất cấm khác, trên cơ sở đánh giá rủi ro và phù hợp với thông lệ quốc tế.

b. Lý do:

Dự thảo chỉ có quy định cho hàng nhập khẩu là theo quy định của nước sản xuất, chứ chưa có quy định cho hàng sản xuất trong nước, nên chưa giải quyết được vướng mắc hiện nay là nhiều chất ô nhiễm, hóa chất, kháng sinh được phép sử dụng nhưng Việt Nam chưa ban hành ngưỡng MRL, hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng.

Hiện nay, nhiều quốc gia đã có quy định về các giới hạn chấp nhận trong trường hợp này, nhưng Việt Nam chưa có quy định. Điều này dẫn đến nhiều trường hợp hàng xuất được đi Nhật Bản, Mỹ, EU, ... nhưng không thể lưu hành nội địa do phát hiện thấy có dư lượng chất ô nhiễm không có trong quy định của Việt Nam mặc dù dư lượng các hoạt chất này đều nằm trong ngưỡng được các thị trường chấp thuận.

Kinh nghiệm quản lý của một số thị trường tiên tiến như EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan cho thấy phân biệt rất rõ ngưỡng chấp nhận cho **3 nhóm**: (i) Các hoạt chất được phép sử dụng và đã thiết lập ngưỡng MRL; (ii) Các hoạt chất được phép sử dụng nhưng chưa thiết lập được ngưỡng MRL; (iii) Các hoạt chất bị cấm sử dụng nên không thể quy định ngưỡng MRL (MRL cannot be established). Điển hình là mô hình của EU, theo đó:

❖ **Đối với các hoạt chất được phép sử dụng nhưng chưa thiết lập được ngưỡng MRL**: EU đã có quy định áp dụng mức MRL mặc định (default) = **0,01 mg/kg (10 ppb)** đối với hoạt chất chưa thiết lập MRL theo Điều 18(1)(b) Regulation (EC) No. 396/2005.

❖ **Đối với các hoạt chất bị cấm sử dụng nên không thể quy định ngưỡng MRL (MRL cannot be established)**: EU áp dụng ngưỡng Tham chiếu để Thực hiện Hành động Quản lý (**Reference Point for Action - RPA**) cho một số nhóm hoạt chất chính, theo đó RPA của Chloramphenicol: 0,15 ppb; Malachite Green + Leucomalachite Green: 0,5 ppb; các chất chuyển hóa của nhóm nitrofurantoin: 0,5 ppb

Nhật Bản, Hàn Quốc cũng có các mô hình tương tự EU với cơ chế quản lý tương ứng cho từng nhóm (chi tiết xin xem tại Phụ lục II gắn).

Việc giao cho các Bộ chuyên ngành ban hành các ngưỡng RAP/default là phù hợp thông lệ quốc tế, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý, kiểm tra, và xử lý vi phạm.

II. BẢO ĐẢM CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN LÝ THEO RỦI RO

1. Tháo gỡ điều kiện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cảng cá công lập

a. Đề xuất:

Sửa điểm b khoản 1 Điều 47 của Dự thảo theo hướng miễn trừ yêu cầu đăng ký ngành, nghề kinh doanh thực phẩm trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh đối với cảng cá công lập khi xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Giấy CN ATTP).

b. Lý do:

Cảng cá công lập là đơn vị sự nghiệp công lập, không phải cơ sở kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp và không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhưng vẫn phải đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc theo Luật Thủy sản và QCVN 02-12:2009/BNNT, cũng như các yêu cầu của thị trường nhập khẩu thủy sản đòi hỏi toàn bộ chuỗi sản xuất thủy sản xuất khẩu phải đảm bảo điều kiện ATTP. Quy định hiện tại tại Điều 34, Điều 36 của Luật ATTP 2010 và quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Dự thảo khiến các cảng cá công lập không thể được đánh giá và cấp hoặc cấp lại Giấy CN ATTP, ảnh hưởng đến hoạt động của chuỗi sản xuất thủy sản khai thác và việc đáp ứng yêu cầu của thị trường nhập khẩu. Thực tế này đã và đang gây vướng mắc tại nhiều địa phương (như Cà Mau, Hà Tĩnh, Lâm Đồng...) từ năm 2025 đến nay.

2. Quy định về Điều kiện ATTP đối với thực phẩm xuất khẩu chưa phù hợp:

a. Đề xuất:

Sửa khoản 1 Điều 26 của Dự thảo theo đó yêu cầu thực phẩm xuất khẩu chỉ cần được sản xuất tại các cơ sở đáp ứng điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của Việt Nam, và sản phẩm đáp ứng điều kiện của nước nhập khẩu (nếu có)

b. Lý do:

Điều 26 đang quy định thực phẩm xuất khẩu đồng thời phải đáp ứng điều kiện an toàn thực phẩm của cả Việt Nam và nước nhập khẩu. Điều này trái với thông lệ quốc tế và quy định hiện hành của Việt Nam yêu cầu sản phẩm xuất khẩu chỉ cần đáp ứng quy định của nước nhập khẩu do sản phẩm không tiêu thụ tại thị trường nội địa

3. Định nghĩa “thực phẩm bao gói sẵn” bao gồm cả nguyên liệu dùng cho chế biến tiếp làm gia tăng gánh nặng về đăng ký/công bố sản phẩm

a. Đề xuất:

Đề nghị sửa định nghĩa “*thực phẩm bao gói sẵn*” tại Khoản 20 Điều 2 của Dự thảo theo hướng: “thực phẩm bao gói sẵn là thực phẩm đã được bao gói và ghi nhãn hoàn chỉnh, sẵn sàng cung cấp trực tiếp cho người tiêu dùng cuối cùng hoặc phục vụ mục đích ăn uống, không bao gồm nguyên liệu thực phẩm dùng để chế biến tiếp”.

b. Lý do:

Khoản 20 Điều 2 của Dự thảo quy định “*thực phẩm bao gói sẵn*” bao gồm cả thực phẩm bao gói cho mục đích chế biến tiếp. Cách diễn đạt này có thể khiến nguyên liệu

thực phẩm được đóng gói để vận, chuyển, giao dịch, mua bán giữa các doanh nghiệp (như thủy sản, thịt gia súc, gia cầm đông lạnh làm nguyên liệu chế biến thực phẩm, bán thành phẩm,) cũng phải làm thủ tục đăng ký/công bố tiêu chuẩn áp dụng giống như thực phẩm bao gói sẵn bán cho người tiêu dùng, làm gia tăng thêm gánh nặng thủ tục hành chính không cần thiết cho người dân và doanh nghiệp.

Mặt khác, định nghĩa “*thực phẩm bao gói sẵn*” trong Dự thảo cũng không phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế của Codex Alimentarius và TCVN 7087:2013, vốn quy định thực phẩm bao gói sẵn là sản phẩm cung cấp trực tiếp cho người tiêu dùng cuối cùng hoặc phục vụ mục đích ăn uống. Cụ thể là Mục 2 – Thuật ngữ và định nghĩa của tiêu chuẩn CODEX STAN 1-1985 – Tiêu chuẩn chung về ghi nhãn thực phẩm bao gói sẵn, sửa đổi năm 2010 đã quy định: “*Pre-packaged means packaged or made up in advance in a container, ready for offer to the consumer, or for catering purposes.*”

Tài liệu này đã được Việt Nam chuyển dịch và ban hành dưới tên TCVN 7087:2013 theo đó định nghĩa về thực phẩm bao gói sẵn trong TCVN 7087 được quy định như sau: “*Bao gói sẵn (prepackaged): Việc bao gói hoặc trang trí trước thực phẩm trong một bao bì nhằm sẵn sàng cung cấp cho người tiêu dùng hoặc dùng cho mục đích sử dụng trực tiếp.*”

Các góp ý chi tiết theo từng điều khoản xin xem tại Phụ lục I gắn kèm;

Hiệp hội VASEP đề nghị Quý Bộ, Quý Cục và Ban Soạn thảo quan tâm, cân nhắc kỹ lưỡng các đề xuất, góp ý và kiến nghị từ cộng đồng DN để sửa đổi, hoàn thiện Luật ATTP, hướng đến mục tiêu vừa đảm bảo ATTP cho người dân, vừa hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho DN, vừa cải cách hơn nữa môi trường kinh doanh theo hướng hướng minh bạch, hiệu quả, giảm thủ tục hành chính giúp ngành thực phẩm Việt nam tiếp tục phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VCCI;
- BCH & BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

TUQ CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ
BAN CHẤP HÀNH
HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
Nguyễn Hoài Nam

PHỤ LỤC I

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO 1 LUẬT AN TOÀN THỰC PHẨM (SỬA ĐỔI)

(Kèm theo Công văn số 133/CV-VASEP ngày 11/8/2026)

Stt	Nội dung Dự thảo	Đề xuất	Lý do
A. QUY ĐỊNH CHUNG, QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CHỦ THỂ			
1	Điều 2 khoản 12 <i>“Ô nhiễm thực phẩm là <u>sự xâm nhập hoặc xuất hiện của chất gây ô nhiễm</u> vào thực phẩm hoặc môi trường thực phẩm.”</i>	Đề nghị sửa đổi lại như sau: <i>“Ô nhiễm thực phẩm là sự xâm nhập hoặc xuất hiện của chất gây ô nhiễm vào thực phẩm hoặc môi trường thực phẩm ở mức vượt giới hạn an toàn theo quy định hoặc có nguy cơ gây hại cho người sử dụng.”</i>	Định nghĩa hiện tại chỉ cần có sự xuất hiện của chất gây ô nhiễm là đã có thể được hiểu là “ô nhiễm”, trong khi nhiều chất (ví dụ kim loại nặng) có thể hiện diện tự nhiên ở mức rất thấp và vẫn an toàn nếu dưới giới hạn cho phép. Định nghĩa này sẽ dẫn đến việc coi 100% thực phẩm đều bị ô nhiễm => Cần gắn khái niệm ô nhiễm với mức gây mất an toàn để tránh cách hiểu quá rộng
2	Điều 2 khoản 19 <i>“Thực phẩm là bất kỳ chất nào, dù đã qua chế biến, sơ chế hay chưa chế biến được dùng cho con người, bao gồm đồ ăn, uống, nhai, ngậm <u>và tất cả các chất được sử dụng trong sản xuất, chế biến hoặc xử lý “thực phẩm”</u>.</i>	Cần nhắc giữ định nghĩa đơn giản như Luật hiện hành; trường hợp giữ định nghĩa mở rộng thì rà soát toàn bộ Dự thảo để phân biệt rõ yêu cầu áp dụng cho thực phẩm, nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến và hương liệu.	Dự thảo sử dụng định nghĩa rộng theo Codex, bao gồm cả các chất được sử dụng trong sản xuất, chế biến hoặc xử lý thực phẩm. Nếu không sử dụng thuật ngữ nhất quán ở các điều sau, có thể gây chòng lún giữa “thực phẩm” với phụ gia, chất hỗ trợ chế biến và hương liệu - các nhóm có cơ chế quản lý khác nhau.
3	Điều 2 khoản 20 <i>“Thực phẩm bao gói sẵn là thực phẩm được bao gói và ghi nhãn hoàn chỉnh, sẵn sàng để bán trực tiếp cho mục đích chế biến tiếp hoặc sử dụng để ăn ngay.”</i>	Đề nghị sửa đổi lại như sau: <i>“Thực phẩm bao gói sẵn là thực phẩm được bao gói và ghi nhãn hoàn chỉnh, sẵn sàng để cung cấp trực tiếp cho người tiêu dùng cuối cùng hoặc phục vụ mục đích ăn uống.”</i> Chính phủ có thể quy định riêng nhóm nguyên liệu nguy cơ cao nếu cần quản lý chặt.	Cụm từ “sẵn sàng dùng cho mục đích chế biến tiếp” có thể đưa nguyên liệu thực phẩm đóng gói để vận chuyển, mua bán, kinh doanh giữa các doanh nghiệp vào nhóm thực phẩm bao gói sẵn, kéo theo nghĩa vụ công bố không cần thiết. Cách hiểu này chưa thống nhất với Codex STAN 1-1985 và TCVN 7087:2013 về thực phẩm bao gói sẵn cung cấp cho người tiêu dùng hoặc dùng cho mục đích ăn uống trực tiếp.

Stt	Nội dung Dự thảo	Đề xuất	Lý do
4	Điều 3 khoản 4 <i>“Không áp dụng <u>nguyên tắc phân loại</u>, biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa”</i>	Bỏ cụm “nguyên tắc phân loại”; chỉ quy định rõ biện pháp quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm được thực hiện theo Luật này trong trường hợp có khác biệt.	Quy định “không áp dụng nguyên tắc phân loại” của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có thể làm giảm tính thống nhất của cách tiếp cận quản lý theo rủi ro, trong khi chính Dự thảo cũng đặt mục tiêu phân loại và kiểm soát nguy cơ.
5	Điều 4 khoản 4 <i>“tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân sản xuất công bố áp dụng <u>không thấp hơn quy chuẩn kỹ thuật tương ứng</u>”</i>	Bổ sung chữ “(nếu có)” vào sau chữ “ <u>quy chuẩn kỹ thuật tương ứng</u> ”, hoặc diễn đạt theo hướng: tiêu chuẩn cơ sở phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong trường hợp đã có quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng.	Không phải mọi nhóm thực phẩm đều có quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Nếu quy định tuyệt đối có thể gây khó áp dụng đối với sản phẩm chưa có QCVN.
6	Điều 6 khoản 2 <i>“Cơ sở kinh doanh thực phẩm phải lưu trữ đầy đủ các thông tin liên quan dưới dạng cơ sở dữ liệu trong quá trình kinh doanh và cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu theo lộ trình kết nối với hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm”</i>	Quy định theo nguyên tắc cần thiết, tối thiểu và phục vụ trực tiếp quản lý ATTP; bảo đảm thống nhất với pháp luật về dữ liệu và bảo vệ bí mật kinh doanh; áp dụng lộ trình theo quy mô/rủi ro và nguyên tắc “khai một lần, sử dụng nhiều lần”.	Yêu cầu mọi cơ sở kinh doanh phải lưu trữ “đầy đủ các thông tin liên quan” dưới dạng cơ sở dữ liệu và cung cấp theo yêu cầu còn rất rộng, có thể làm tăng chi phí cho doanh nghiệp nhỏ và phát sinh rủi ro đối với dữ liệu/bí mật kinh doanh nếu chưa xác định rõ phạm vi, mục đích, quyền truy cập.
7	Điều 8 khoản 5 điểm b <i>“b. Thực phẩm vi phạm quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa”;</i>	Bỏ điểm b hoặc giới hạn ở hành vi ghi nhãn sai, thiếu thông tin bắt buộc có khả năng ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm/sức khỏe người tiêu dùng; các vi phạm nhãn khác xử lý theo pháp luật về nhãn hàng hóa.	Pháp luật về nhãn hàng hóa đã có cơ chế xử lý theo tính chất, mức độ vi phạm. Nếu mọi sai sót về nhãn đều được xếp vào hành vi “bị nghiêm cấm” trong Luật ATTP thì có thể dẫn tới hậu quả quản lý không tương xứng với mức độ rủi ro.

Stt	Nội dung Dự thảo	Đề xuất	Lý do
8	Điều 8 khoản 9 <i>“Tham gia kinh doanh thực phẩm khi bị mắc bệnh truyền nhiễm”</i>	Giới hạn đối tượng là người trực tiếp sản xuất, chế biến, tiếp xúc với thực phẩm khi mắc bệnh thuộc danh mục/nhóm có nguy cơ lây truyền qua thực phẩm và chưa thực hiện biện pháp phòng, chống theo quy định chuyên ngành.	Khái niệm “tham gia kinh doanh thực phẩm” quá rộng, có thể bao gồm cả người quản lý, không trực tiếp tiếp xúc thực phẩm. Không phải mọi bệnh truyền nhiễm đều làm phát sinh nguy cơ mất ATTP trong mọi hoạt động kinh doanh thực phẩm.
9	Điều 9 khoản 2 điểm h <i>“Cơ sở sản xuất thực phẩm có các trách nhiệm: h) Thu hồi, xử lý thực phẩm quá hạn sử dụng, không bảo đảm an toàn”</i>	Bỏ điểm này để thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan	Trường hợp nhà sản xuất không phân phối trực tiếp mà bán cho công ty khác thì họ đã chuyển giao quyền sở hữu và rủi ro đối với hàng hóa cho các bên khác theo quy định của Bộ luật dân sự, và Luật thương mại hiện hành. Do đó, họ chỉ chịu trách nhiệm liên quan
10	Điều 10 khoản 3 điểm a, b <i>“Đăng tải... <u>hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng</u> theo từng sản phẩm đăng tải trên nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử... b) Cung cấp thông tin về ...<u>hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng</u> của từng sản phẩm cho chủ quản nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử.”</i>	Đề nghị sửa đổi lại như sau: <i>“3a. Công khai giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố hoặc đường link công bố sản phẩm tại website của cơ quan có thẩm quyền trên nền tảng thương mại điện tử... “3b. Cung cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố hoặc đường link công bố sản phẩm tại website của cơ quan có thẩm quyền cho chủ quản nền tảng thương mại điện tử theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa”</i>	Yêu cầu đăng tải/cung cấp toàn bộ hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng theo từng sản phẩm có thể làm lộ thông tin, bí mật kinh doanh và lặp lại nghĩa vụ doanh nghiệp đã thực hiện với cơ quan có thẩm quyền. Việc đăng toàn bộ hồ sơ cũng không phải là biện pháp xác thực hàng thật. Chỉ nên yêu cầu công khai Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố hoặc đường dẫn tới hồ sơ/thông tin công bố trên hệ thống chính thức của cơ quan có thẩm quyền; nền tảng thương mại điện tử chỉ sử dụng thông tin này để kiểm duyệt, không đăng tải.

Stt	Nội dung Dự thảo	Đề xuất	Lý do
11	Điều 12 khoản 3 <i>“Thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có ...quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền của các nước đối với sản phẩm nhập khẩu do mình đứng tên đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng tại bất kỳ nước nào trên thế giới.”</i>	Sửa “ <i>khi có</i> ” thành “ <i>khi nhận được thông tin cảnh báo/thu hồi từ chủ sở hữu, nhà sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền liên quan đến sản phẩm do mình đứng tên</i> ”; đồng thời giao Chính phủ quy định phạm vi, nội dung và thời hạn thông báo.	Tổ chức tại Việt Nam không thể bảo đảm biết ngay mọi quyết định thu hồi ở tất cả quốc gia; cũng cần xác định quyết định thu hồi đó có liên quan đến chính sản phẩm/lô hàng đang lưu hành tại Việt Nam hay không.
12	Điều 12 khoản 6 <i>“<u>Chịu trách nhiệm về quyền sở hữu trí tuệ</u> đối với thực phẩm do cơ sở đứng tên đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng.”</i>	Đề nghị sửa đổi lại như sau: “ <i>Tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm do tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh.</i> ”	Trách nhiệm sở hữu trí tuệ cần tuân theo pháp luật chuyên ngành và vị trí pháp lý thực tế của chủ sở hữu, người được ủy quyền, nhà sản xuất, nhà kinh doanh; không nên quy định trách nhiệm tuyệt đối cho bên đứng tên công bố.
13	Điều 12 khoản 8 <i>“<u>Công khai thông tin công bố tiêu chuẩn áp dụng trên nhãn, bao bì, tài liệu kèm theo sản phẩm và trên các phương tiện thông tin đại chúng</u> hoặc trang thông tin điện tử của mình hoặc niêm yết tại trụ sở của tổ chức, cá nhân.”</i>	Quy định theo hướng lựa chọn một hoặc một số hình thức phù hợp: trên hàng hóa/bao bì/nhãn; tài liệu kèm theo; trang thông tin điện tử; hoặc niêm yết tại trụ sở, bảo đảm khả năng tiếp cận của người tiêu dùng và cơ quan quản lý.	Dự thảo có thể được hiểu là phải đồng thời thể hiện thông tin công bố trên nhãn, bao bì, tài liệu kèm theo và phương tiện thông tin/website/trụ sở. Điều này làm tăng yêu cầu so với cách thức công bố theo một trong các hình thức phù hợp.

Stt	Nội dung Dự thảo	Đề xuất	Lý do
14	Điều 23 khoản 1 và 2 <i>“1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tạm dừng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm và công bố tiêu chuẩn áp dụng của tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.</i> <i>2. Trường hợp tổ chức đứng tên đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng có vi phạm liên quan đến an toàn thực phẩm, hàng hóa phải xử lý hình sự, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền từ chối tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn bản công bố sản phẩm hoặc hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng trong 5 năm kể từ khi bản án, quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực.”</i>	Đề nghị bỏ điều này. Các vi phạm cần được xử lý theo Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật Hình sự và các luật khác có liên quan	Quy định chưa phù hợp với Luật xử lý vi phạm hành chính - Không căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả, vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng (điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính) - Hình thức xử phạt chưa phù hợp với Luật xử phạt vi phạm hành chính - Quy định bất hợp lý này có thể dẫn đến đình trệ sản xuất kinh doanh: - Một sai sót rất nhỏ (như về nhãn mác, hay 1 lô sản phẩm bị kém chất lượng do mưa bão, do ô nhiễm chéo từ đồng ruộng khác) thì cơ sở sản xuất-kinh doanh, thậm chí nông dân cũng phải ngừng sản xuất vì không thể đăng ký/công bố sản phẩm - Một cá nhân cố tình mua nguyên liệu bản để sản xuất thực phẩm và đã bị khởi tố hình sự, nhưng toàn bộ nhà máy với nhiều người lao động sẽ phải đóng cửa (ví dụ nhà máy đồ hộp Hạ Long: tổng giám đốc bị khởi tố vì mua thịt lợn bẩn về làm pate, nhưng không thể vì lý do đó mà cơ quan nhà nước không cho đăng ký, gia hạn các sản phẩm khác không liên quan đến vụ việc, có thể dẫn đến nhà máy đóng cửa, hàng nghìn người lao động thất nghiệp dù lỗi không do họ)
B. ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, CÔNG BỐ SẢN PHẨM THỰC PHẨM			

Stt	Nội dung Dự thảo	Đề xuất	Lý do
15	Điều 17 khoản 1a <i>“1a. Thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, hương liệu thực phẩm phải đáp ứng các quy định sau:</i> <i>a) Phải được cấp giấy đăng ký bản công bố hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng.”</i> Điều 24 khoản 1a <i>“1. Thực phẩm nhập khẩu:</i> <i>a) Phải được đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng trước khi nhập khẩu”</i>	Sửa cụm từ “<i>thực phẩm...hương liệu thực phẩm</i>” thành “<i>thực phẩm bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, hương liệu thực phẩm</i>”, ngoại trừ các trường hợp được miễn theo quy định của Chính phủ	- Phạm vi bắt buộc đăng ký/công bố đang bao quát rất rộng, có thể bao gồm cả nguyên liệu, thực phẩm tươi sống và nhiều đầu vào sản xuất. Nếu áp dụng cào bằng sẽ làm tăng mạnh số lượng thủ tục nhưng không tương xứng với mức độ rủi ro. Thuật ngữ “công bố tiêu chuẩn áp dụng” cũng dễ bị hiểu hẹp hơn nội dung của cơ chế tự công bố sản phẩm hiện hành. - Tăng phạm vi áp dụng thủ tục hành chính lên 6 lần¹ tính về doanh số do yêu cầu đăng ký/công bố áp dụng cho tất cả thực phẩm (kể cả nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, thực phẩm tươi sống,... so với Luật ATTP hiện hành (chỉ yêu cầu cho thực phẩm bao gói sẵn). - Chồng chéo, vì chữ “thực phẩm” theo định nghĩa tại khoản 19 điều 1 Dự thảo đã bao gồm tất cả các nhóm sau đó. - Nguy cơ gây ách tắc lớn cho sản xuất kinh doanh giống như Nghị định 46 và Nghị quyết 66.13 do khối lượng thủ tục hành chính tăng đột biến, và nhiều thủ tục bắt khả thi (ngư dân, nông dân, người bán hàng không thể công bố tiêu chuẩn thịt, rau, canh, cơm, phở... do họ đang kinh doanh)
16	Điều 17 khoản 1 điểm b <i>“b) Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và mức giới hạn an toàn theo quy chuẩn kỹ thuật, <u>tiêu chuẩn tương ứng</u>, quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân sản xuất công bố.”</i>	Đề nghị sửa đổi lại như sau: <i>“b) Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và mức giới hạn an toàn theo quy chuẩn kỹ thuật. Trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật, doanh nghiệp được phép áp dụng một trong các tiêu chuẩn tương ứng: tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân sản xuất công bố”</i>	Tiêu chuẩn và quy chuẩn quốc gia có tính chất pháp lý khác nhau. Yêu cầu doanh nghiệp đồng thời đáp ứng tất cả các “tiêu chuẩn tương ứng” có thể gây chồng lấn vì tiêu chuẩn thường được áp dụng tự nguyện, còn quy chuẩn quốc gia là bắt buộc.

Stt	Nội dung Dự thảo	Đề xuất	Lý do
17	Điều 17 khoản 2đ <i>“đ) Đối với thực phẩm đã qua chế biến, nguyên liệu làm thực phẩm phải bảo đảm an toàn và giữ nguyên các thuộc tính vốn có của nó; các nguyên liệu tạo thành thực phẩm không được tương tác với nhau để tạo ra các sản phẩm gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người;”</i> Điều 37. Khoản 1. <i>“... các nguyên liệu tạo thành thực phẩm không được tương tác với nhau để tạo ra các sản phẩm gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người.”</i>	Đề nghị sửa đổi lại như sau: <i>“2đ) Nguyên liệu làm thực phẩm phải bảo đảm an toàn và giữ nguyên các thuộc tính vốn có của nó; sản phẩm tạo ra không được có các chất độc hại có hàm lượng bằng hoặc cao hơn dư lượng tối đa cho phép;”</i> <i>“1. ... sản phẩm tạo ra không được có các chất độc hại có hàm lượng bằng hoặc cao hơn dư lượng tối đa cho phép”</i>	Quá trình chế biến (gia nhiệt, lên men, phối trộn...) tất yếu sẽ làm thay đổi thuộc tính nguyên liệu và có thể phát sinh sản phẩm phản ứng ở hàm lượng rất nhỏ. Điều quan trọng về ATTP là hàm lượng chất có nguy cơ không vượt giới hạn an toàn, thay vì yêu cầu thực phẩm không được có bất kỳ tương tác nào.

Stt	Nội dung Dự thảo	Đề xuất	Lý do
18	Điều 17 khoản 2 điểm g <i>“g) Thực phẩm sau thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ phải đáp ứng mức giới hạn dư lượng thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật và các tác nhân gây ô nhiễm trong thực phẩm theo quy định của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế, thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và phù hợp với tình hình kinh tế xã hội. Trường hợp chưa có quy định đối với mức giới hạn dư lượng thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật thì thực hiện theo quy định của nước sản xuất hoặc hướng dẫn của nhà sản xuất trong trường hợp không có quy định của nước sản xuất”</i>	Đề nghị sửa đổi lại như sau: <i>“g) Thực phẩm sau thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ phải đáp ứng giới hạn dư lượng tối đa (MRL) thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật và các tác nhân gây ô nhiễm trong thực phẩm theo quy định của Chính phủ, phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tham khảo các quy định của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế Codex; ngoại trừ thực phẩm xuất khẩu thì tuân theo quy định của nước xuất khẩu.</i> <i>Đối với các chất chưa có giới hạn dư lượng tối đa (MRL) hoặc không thể thiết lập MRL, giao Chính phủ quy định chi tiết giới hạn dư lượng tối đa mặc định đối với thuốc bảo vệ thực vật; và ngưỡng cần hành động (RPA) hoặc không phát hiện được đối với thuốc thú y và kháng sinh bị cấm sử dụng và các chất bị cấm sử dụng khác trên cơ sở đánh giá rủi ro và phù hợp với thông lệ quốc tế”</i>	- Việc yêu cầu áp dụng trực tiếp tiêu chuẩn Codex cũng cần cơ chế cập nhật và chuyển tiếp phù hợp. - Trường hợp chưa có quy định đối với giới hạn dư lượng tối đa (MRL) thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật: Mới có quy định cho hàng nhập khẩu là theo quy định của nước sản xuất, chứ chưa có quy định cho hàng sản xuất trong nước, nên chưa giải quyết được vướng mắc hiện nay là nhiều chất ô nhiễm, chất cấm sử dụng. Một số quốc gia tiên tiến như Nhật Bản, EU đã có quy định giới hạn, nhưng Việt Nam chưa có giới hạn, do đó nhiều trường hợp hàng xuất được sang Nhật Bản, EU nhưng không lưu hành nội địa được do phát hiện thấy có dư lượng chất ô nhiễm không có trong quy định của Việt Nam mặc dù trong ngưỡng Nhật Bản, EU chấp thuận. - Nên tham khảo quy định của EU về ngưỡng MRL mặc định (default) = 0,01 mg/kg (10 ppb) đối với thuốc BVTV chưa thiết lập MRL theo Điều 18(1)(b) Regulation (EC) No. 396/2005, và áp dụng <i>Ngưỡng Tham chiếu để Thực hiện Hành động Quản lý (RPA)</i> đối với thuốc thú y và kháng sinh bị cấm sử dụng và các chất bị cấm sử dụng khác (ví dụ RPA của chloramphenicol: 0,15 ppb; malachite green + leucomalachite green: 0,5 ppb; các chất chuyển hóa của nhóm nitrofurantoin: 0,5 ppb)
19	Điều 18 khoản 1 <i>“vật liệu an toàn, <u>bảo đảm không thôi nhiễm các chất độc hại</u>”</i>	Đề nghị sửa đổi lại như sau: <i>“vật liệu an toàn, bảo đảm không thôi nhiễm các chất có hại vượt giới hạn cho phép theo quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng”.</i>	Cách diễn đạt có thể bị hiểu là yêu cầu mức thôi nhiễm bằng 0, trong khi quy chuẩn kỹ thuật đối với vật liệu tiếp xúc thực phẩm thường quy định giới hạn di trú/thôi nhiễm cho phép.

Stt	Nội dung Dự thảo	Đề xuất	Lý do
20	Điều 19 khoản 2 điểm c <i>“c) Các trường hợp thực hiện phân loại công bố tiêu chuẩn áp dụng:</i> <i>- Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, hương liệu thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm;</i> <i>- Thực phẩm bổ sung không công bố khuyến cáo về sức khỏe.</i> <i>- Nguyên liệu làm thực phẩm trừ các trường hợp được miễn công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của Chính phủ”</i>	Hủy bỏ cơ chế yêu cầu công bố tiêu chuẩn chất lượng cho nguyên liệu làm thực phẩm, thực phẩm bao gói sẵn thông thường dung làm nguyên liệu chế biến tiếp, phụ gia, chất hỗ trợ và vật liệu tiếp xúc thực phẩm;	Việc quy định bắt buộc công bố tiêu chuẩn chất lượng cho nguyên liệu làm thực phẩm, thực phẩm bao gói sẵn thông thường dung làm nguyên liệu chế biến tiếp, phụ gia, chất hỗ trợ và vật liệu tiếp xúc thực phẩm sẽ làm gia tăng gánh nặng thủ tục hành chính lên rất nhiều lần so với quy định hiện hành, đưa việc công bố trở lại thời kỳ trước Nghị định 15/2018/NĐ-CP với ví dụ điển hình về “một thanh chocolate công 13 giấy phép”, trái với định hướng của Chính phủ là cắt giảm thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.
21	Điều 21 <i>“1. Chính phủ quy định thẩm quyền, hồ sơ, trình tự thủ tục:</i> <i>a) Cấp, gia hạn, thay đổi, bổ sung giấy đăng ký bản công bố sản phẩm;</i> <i>b) Tiếp nhận, thay đổi, bổ sung hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng</i> <i>2. Thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký bản công bố sản phẩm là 05 năm kể từ ngày cấp, gia hạn giấy đăng ký bản công bố sản phẩm”</i>	Quy định nguyên tắc hồ sơ tối giản, điện tử, không yêu cầu lại thông tin cơ quan nhà nước đã có; giữ nền tảng tự công bố/hậu kiểm đối với sản phẩm thông thường. Chỉ yêu cầu đăng ký/gia hạn đối với nhóm nguy cơ cao hoặc khi có thay đổi quan trọng ảnh hưởng an toàn.	Dự thảo tuy giao Chính phủ quy định chi tiết nhưng cần đặt nguyên tắc ngay trong Luật để tránh Chính phủ quy định hồ sơ, thời gian thẩm định việc đăng ký bản công bố sản phẩm, tiếp nhận, thay đổi, bổ sung hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng quá nặng. Việc phải gia hạn định kỳ sau 5 năm cũng cần đánh giá lợi ích quản lý so với chi phí tuân thủ khi sản phẩm không thay đổi.

C. XUẤT NHẬP KHẨU, CHỨNG NHẬN, TRUY XUẤT, KIỂM TRA VÀ CHUYỂN TIẾP

Stt	Nội dung Dự thảo	Đề xuất	Lý do
22	Điều 9 khoản 2 điểm b “2. Cơ sở sản xuất thực phẩm có các trách nhiệm sau đây: b) <u>Tuân thủ tăng cường các vi chất dinh dưỡng</u> với hàm lượng nhất định theo danh mục do Chính phủ quy định vào thực phẩm”	Đề nghị sửa đổi lại như sau: “ <u>Tuân thủ tăng cường các vi chất dinh dưỡng với hàm lượng nhất định theo danh mục do Chính phủ quy định vào thực phẩm cho nhóm đối tượng bị thiếu vi chất, miễn trừ cho thực phẩm nhập khẩu và xuất khẩu</u> ”	- Nghĩa vụ tăng cường vi chất cần gắn với nhóm thực phẩm, nhóm đối tượng và chính sách dinh dưỡng cụ thể chứ không nên áp dụng đại trà. - Áp dụng chung cho cả thực phẩm xuất khẩu/nhập khẩu có thể xung đột với công thức, quy định của thị trường nhập khẩu hoặc nước sản xuất.
23	Điều 10 khoản 2 điểm đ “2. Cơ sở kinh doanh thực phẩm có các trách nhiệm sau đây: đ) <u>Tuân thủ tăng cường các vi chất dinh dưỡng</u> với hàm lượng nhất định theo danh mục do Chính phủ quy định vào thực phẩm;”	Bỏ điểm đ khoản 2 Điều 10; trách nhiệm của cơ sở kinh doanh là kiểm tra/kinh doanh sản phẩm đáp ứng quy định về tăng cường vi chất khi thuộc đối tượng bắt buộc.	Cơ sở kinh doanh không phải cơ sở sản xuất nên không thể trực tiếp thực hiện việc bổ sung vi chất vào sản phẩm.
24	Điều 24 khoản 1 điểm b; “1b) Phải thực hiện kiểm tra nhà nước về thực phẩm nhập khẩu ...với thông báo kết quả đạt yêu cầu đối với từng lô hàng” Điều 25 “ Phương thức và trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu ”	- Giữ nguyên quy định tại Nghị định 25/2018/NĐ-CP về 3 mức kiểm tra để không làm tăng TTHC không cần thiết; - Bỏ yêu cầu thông báo kết quả đạt yêu cầu với thực phẩm thuộc nhóm kiểm tra giảm. - Kiểm tra giảm: kiểm tra hồ sơ 5% số lô hàng - Bổ sung: lấy mẫu kiểm nghiệm nếu có nghi ngờ	- Kế thừa ba phương thức kiểm tra chặt, thông thường, giảm của Luật Chất lượng Sản phẩm, Hàng hóa sửa đổi 2025; đối với kiểm tra giảm, không bắt buộc thông báo kết quả cho từng lô và chỉ kiểm tra hồ sơ theo tỷ lệ lựa chọn rủi ro (có thể tham khảo tỷ lệ 5% như cơ chế hiện hành) và lấy mẫu thử nghiệm khi có nghi ngờ/cảnh báo. - Yêu cầu có thông báo kết quả đạt yêu cầu đối với từng lô, kể cả nhóm kiểm tra giảm, có thể làm giảm ý nghĩa của cơ chế kiểm tra giảm và kéo dài thời gian thông quan. Cần phân biệt rõ mức độ kiểm tra theo rủi ro.

Stt	Nội dung Dự thảo	Đề xuất	Lý do
25	Điều 24 khoản 3 <i>“Chính phủ quy định cơ quan kiểm tra thực phẩm nhập khẩu; việc miễn kiểm tra nhà nước thực phẩm nhập khẩu.”</i>	Bổ sung khoản giao Chính phủ quy định việc chuyển mục đích sử dụng, với nguyên tắc doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ kiểm tra ATTP, nghĩa vụ hải quan, thuế và chính sách quản lý của mục đích mới trước khi lưu thông/sử dụng.	Doanh nghiệp có thể phát sinh nhu cầu chuyển nguyên liệu nhập khẩu từ SXKK/GCXX sang tiêu thụ nội địa hoặc ngược lại do thay đổi đơn hàng, tồn kho, kế hoạch sản xuất. Pháp luật hải quan đã có cơ chế chuyển loại hình nhưng Luật ATTP chưa có khung tương ứng.
26	Điều 26 <i>“Điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm xuất khẩu</i> <i>1. Đáp ứng các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của Việt Nam.”</i>	Đề nghị sửa đổi lại như sau: “1. Được sản xuất tại các cơ sở đáp ứng điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của Việt nam, hoặc đáp ứng điều kiện của nước nhập khẩu (nếu có)”	Quy định tại Dự thảo không phù hợp vì thực phẩm xuất khẩu cần tuân thủ quy định của nước nhập khẩu, chứ không phải quy định của Việt Nam. Điều này trái với thông lệ quốc tế do sản phẩm thực phẩm xuất khẩu không tiêu thụ tại thị trường nội địa.
27	Điều 47 khoản 1 điểm b và khoản 3 <i>“1. Cơ sở được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm khi</i> <i>b) <u>Có đăng ký ngành, nghề kinh doanh thực phẩm trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u> hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và khoản 3 - Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP”</i>	Đề nghị sửa đổi lại như sau: “b. <i>Có đăng ký ngành, nghề kinh doanh thực phẩm... trừ cảng cá công lập và đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền</i> ”.	Cảng cá công lập là đơn vị sự nghiệp công lập, được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nên không thể đáp ứng điểm b khoản 1, dù vẫn phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật ATTP.

Stt	Nội dung Dự thảo	Đề xuất	Lý do
28	Điều 57 khoản 2 và khoản 4 <u>“2. Việc truy xuất nguồn gốc thực phẩm thực hiện đối với tất cả thực phẩm lưu thông trên thị trường và trong các trường hợp sau đây:</u> a) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu; b) Khi phát hiện thực phẩm do mình kinh doanh không bảo đảm an toàn”	Đề nghị sửa đổi lại như sau: “2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đảm bảo có và lưu trữ đầy đủ chứng từ đầu vào và chứng từ đầu ra, ngoại trừ chứng từ bán cho người tiêu dùng. Thực hiện truy xuất nguồn gốc đầu vào, đầu ra khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu do phát hiện thực phẩm không bảo đảm an toàn, hoặc do tự phát hiện thực phẩm do mình sản xuất, kinh doanh không bảo đảm an toàn.”	Khoản 4 đã xác lập nguyên tắc “<i>một bước trước - một bước sau</i>”, nhưng khoản 2 quy định truy xuất đối với tất cả thực phẩm “<i>khi cơ quan nhà nước yêu cầu</i>” chưa nêu rõ căn cứ yêu cầu. Cần tránh biến nghĩa vụ lưu hồ sơ thành thủ tục thường xuyên cho mọi giao dịch bán lẻ.
29	Điều 58 khoản 2 điểm b “Mã định danh b) Mỗi lô thực phẩm khi xuất xưởng hoặc chuyển giao công đoạn phải được cấp một mã định danh lô hàng duy nhất để phục vụ việc ghi nhận và liên kết dữ liệu”	Đề nghị bỏ yêu cầu bắt buộc về mã định danh, chỉ khuyến khích.	Nếu yêu cầu mỗi lô khi xuất xưởng hoặc mỗi lần “chuyển giao công đoạn” đều phải được cấp một mã mới theo thủ tục riêng thì khó triển khai, đặc biệt với chuỗi nhiều công đoạn và hàng nhập khẩu. Nhiều doanh nghiệp đã có mã batch/lot theo hệ thống HACCP/ERP/tiêu chuẩn khách hàng.
30	Điều 65 “Hình thức, thời hạn, tần suất kiểm tra 1. Thời hạn, trình tự, thủ tục kiểm tra thực phẩm thực hiện theo quy định của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành. 2. Chính phủ quy định hình thức, tần suất kiểm tra an toàn thực phẩm hàng năm, khi phát hiện vi phạm về an toàn thực phẩm hoặc phát hiện nguyên liệu làm thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, phụ gia thực phẩm, hương liệu thực phẩm bị sử dụng sai mục đích, lạm dụng thành các chất có hại.”	Đề nghị bổ sung nguyên tắc: tần suất hậu kiểm/kiểm tra được xác định theo mức độ rủi ro và lịch sử tuân thủ; giảm tần suất đối với cơ sở tuân thủ tốt, áp dụng HACCP/ISO 22000/BRC/IFS/FSSC 22000 hoặc tương đương; tập trung vào nhóm nguy cơ cao/có cảnh báo.	Điều 64 khoản 2 điểm c đã quy định lựa chọn cơ sở kiểm tra trên cơ sở đánh giá nguy cơ, dữ liệu thử nghiệm, cảnh báo và lịch sử tuân thủ. Tuy nhiên Điều 65 chưa thể hiện rõ tần suất kiểm tra phải gắn với các tiêu chí này.

Stt	Nội dung Dự thảo	Đề xuất	Lý do
31	Điều 71 “ <i>Điều khoản chuyển tiếp</i> ”	Đề nghị bổ sung theo hướng: (i) Giấy chứng nhận có thời hạn tiếp tục có giá trị đến hết hạn; (ii) Giấy tiếp nhận/bản tự công bố tiếp tục có hiệu lực đến khi có thay đổi thuộc trường hợp phải thực hiện lại; (iii) Hồ sơ đã tiếp nhận trước ngày luật có hiệu lực tiếp tục giải quyết theo quy định tại thời điểm tiếp nhận, trừ khi tổ chức/cá nhân đề nghị áp dụng quy định mới.	Dự thảo hiện mới có chuyển tiếp đối với một số quyết định về tổ chức thử nghiệm; chưa có quy định rõ cho Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, giấy tiếp nhận đăng ký, bản tự công bố đang có hiệu lực và hồ sơ nộp trước ngày Luật có hiệu lực.

PHỤ LỤC II

BẢNG THAM KHẢO QUY ĐỊNH CỦA MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG VỀ MRL MẶC ĐỊNH, RPA/ND ĐỐI VỚI THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT, THUỐC THÚ Y/KHÁNG SINH VÀ CÁC HÓA CHẤT ĐƯỢC PHÉP/KHÔNG ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG

(Kèm theo Công văn số/CV-VASEP ngày 10/8/2026)

Quốc gia/ khu vực	Thuốc BVTV không có MRL riêng	Thuốc thú y/ kháng sinh được phép sử dụng	Thuốc thú y/ kháng sinh hoặc chất không được phép	Cơ sở pháp lý chính	Ghi chú
Nhật Bản	Hệ thống Positive List áp dụng “Uniform Limit” 0,01 ppm (0,01 mg/kg) đối với hóa chất nông nghiệp chưa có MRL cụ thể, trừ trường hợp thuộc danh mục miễn hoặc có quy định đặc thù.	MRL cụ thể/provisional MRL được áp dụng nếu đã thiết lập. Đối với “agricultural chemicals” (bao gồm thuốc BVTV, phụ gia thức ăn và thuốc thú y) chưa có MRL cụ thể, nguyên tắc Uniform Limit 0,01 ppm được áp dụng, trừ nhóm có cơ chế riêng.	Một số chất có mức độc tính rất thấp về ngưỡng chấp nhận hoặc thuộc nhóm cần kiểm soát đặc biệt được quy định “không được phát hiện (ND)” theo phương pháp thử chính thức, thay vì áp dụng Uniform Limit.	Food Sanitation Act; MHLW Positive List System; các thông báo/tiêu chuẩn MHLW về MRL và Uniform Limit.	Mô hình phân biệt MRL cụ thể, mức mặc định và ND; có ngoại lệ theo đánh giá nguy cơ.
Liên minh châu Âu (EU)	Nếu không có MRL cụ thể trong Regulation (EC) No 396/2005, áp dụng mức mặc định 0,01 mg/kg theo Điều 18(1)(b), trừ khi có mức khác được quy định.	Regulation (EU) No 37/2010 quy định MRL theo hoạt chất/mô đích; một số chất được phân loại “No MRL required” theo đánh giá an toàn.	Đối với một số chất không được phép/không thể thiết lập MRL, Regulation (EU) 2019/1871 quy định Reference Points for Action (RPA), ví dụ: chloramphenicol 0,15 µg/kg; tổng malachite green + leucomalachite green 0,5 µg/kg; các chất chuyển hóa nitrofurans 0,5 µg/kg. Mức bằng hoặc trên RPA được coi là không phù hợp; dưới RPA không tự động đồng nghĩa được phép sử dụng.	Regulation (EC) No 396/2005; Regulation (EU) No 37/2010; Regulation (EU) 2019/1871 (đã được sửa đổi).	EU phân biệt rõ ba cơ chế: MRL, default MRL và RPA đối với chất không thể thiết lập MRL.

Quốc gia/ khu vực	Thuốc BVTV không có MRL riêng	Thuốc thú y/ kháng sinh được phép sử dụng	Thuốc thú y/ kháng sinh hoặc chất không được phép	Cơ sở pháp lý chính	Ghi chú
Hàn Quốc	Pesticide Positive List System (PLS) áp dụng mức 0,01 mg/kg đối với thuốc BVTV không có MRL trong tiêu chuẩn Hàn Quốc hoặc không có import tolerance, trừ trường hợp có quy định riêng.	Với thuốc thú y đã có MRL: áp dụng MRL tương ứng. Từ 01/01/2024, Veterinary Drug PLS áp dụng mức 0,01 mg/kg đối với thuốc thú y chưa có MRL trong phạm vi sản phẩm chăn nuôi/thủy sản thuộc PLS.	Một số chất bị cấm/được quản lý đặc biệt được yêu cầu “không phát hiện”, gồm các nhóm như nitrofurans, chloramphenicol, malachite green theo Food Code/danh mục của MFDS. Do đó, cần phân biệt chất “không có MRL” với chất “bị cấm”.	Korean Food Code; MFDS Positive List System đối với thuốc BVTV và thuốc thú y; tài liệu hướng dẫn MFDS cập nhật.	Cơ chế PLS 0,01 mg/kg cho nhóm chưa có MRL, song song với danh mục chất cấm áp dụng ND.
Đài Loan	Theo tiêu chuẩn TFDA hiện hành, thuốc BVTV không được liệt kê MRL trong bảng tiêu chuẩn thì không được phát hiện; thuốc BVTV bị cấm cũng không được có dư lượng phát hiện được.	Thuốc thú y được phép có MRL cụ thể theo từng hoạt chất/thực phẩm. Đối với thuốc thú y không có trong bảng tiêu chuẩn, nguyên tắc là không được phát hiện, trừ trường hợp có quy định áp dụng riêng đối với hàng nhập khẩu.	Các chất không được phép hoặc không được liệt kê áp dụng tiêu chí ND theo tiêu chuẩn và phương pháp kiểm nghiệm của TFDA.	TFDA - Standards for Pesticide Residue Limits in Foods; Standards for Veterinary Drug Residue Limits in Foods và các sửa đổi hiện hành.	Mô hình nghiêng về ND đối với hoạt chất không có trong danh mục, khác với mô hình default 0,01 mg/kg của EU/Nhật/Hàn cho một số nhóm hoạt chất.

Ghi chú: “Không phát hiện (Not Detectable - ND)” không đồng nghĩa với một giá trị số bằng 0 tuyệt đối; trong thực thi, tiêu chí này phụ thuộc phương pháp thử và giới hạn phát hiện/định lượng được cơ quan có thẩm quyền quy định hoặc thừa nhận theo phương pháp phân tích chính thức đối với từng hoạt chất